TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **103**/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 31 tháng 8 năm 2017.
"V/v: Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Doanh.
Bà Đoàn Thị Dịu.
Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2017/TLST - HNGĐ ngày 10/4/2017 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2017 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Anh Ngô Văn T - Sinh năm: 1985.
Địa chỉ: Đội 9, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.
Bị đơn: Chị Phạm Thị T - Sinh năm 1985.
Nơi ĐKHKTT: Đội 9, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.
Địa chỉ hiện nay: Công ty TNHH Công nghiệp V - Đường D4, khu D, khu Công nghiệp P, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.
Tại phiên tòa: Anh T có mặt, chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là anh Ngô Văn T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị T kết hôn vào ngày 12/10/2009 có được đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường, đến tháng 4 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tháng 8 năm 2015 anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên anh đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Thùy L - Sinh ngày 29/4/2010 hiện đang ở với chị T. Khi ly hôn anh đồng ý để con cho chị T nuôi và nhận cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo pháp luật.

Về tài sản, công sức đóng góp, khoản nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và Biên bản lấy lời khai, bị đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Thời gian kết hôn đúng như anh T đã trình bày ở trên. Quá trình chung sống một phần do kinh tế khó khăn, một phần do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra mâu thuẫn. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 8 năm 2015 đến nay. Nay anh T có đơn xin ly hôn thì chị cũng đồng ý vì vợ chồng đã sống ly thân từ lâu nên tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Thùy L - Sinh ngày 29/4/2010 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.500.000đ/tháng đến khi con chung trưởng thành và tự lập.

Ngoài ra chị T còn yêu cầu anh T phải có trách nhiệm với con chung trong thời gian 02 năm anh chị sống ly thân (từ tháng 8/2015 đến nay) trung bình 2.000.000 đồng/tháng. Tổng số tiền là: 48.000.000 đồng.

Về tài sản, công sức đóng góp, khoản nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không bổ sung gì thêm. Đối với yêu cầu của chị T yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.500.000đ/tháng đến khi con chung trưởng thành, tự lập anh nhất trí; Đối với khoản tiền 48.000.000đ chị T cầu anh trả cho chị để nuôi con chung trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh T trình bày: Thời gian anh chị chung sống cùng nhau, anh đi làm tiền lương đưa cho chị chi tiêu trong gia đình. Khi vợ chồng mâu thuẫn sống ly thân đến hết năm 2016, hàng tháng anh vẫn về thăm con và đưa tiền cho chị nuôi con từ 1.000.000 đồng đến 2.000.0000 đồng. Vì vậy anh không chấp nhận yêu cầu của chị T về số tiền 48.000.000 đồng.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 BLTTDS. Việc chị T có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T là đúng quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy anh T và chị T sống ly thân đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh T có yêu cầu ly hôn và chị T cũng nhất trí ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật - áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa anh Ngô Văn T và chị Phạm Thị T.

Về con chung của vợ chồng: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Phạm Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Ngô Thùy L - Sinh ngày 29/4/2010. Anh Ngô Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng kể từ tháng 8/2017 đến khi con chung trưởng thành, tự lập.

Về tài sản, công sức đóng góp, khoản nợ: Vợ chồng đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Không chấp nhận yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh T phải trả cho chị số tiền 48.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Ngô Văn T và chị Phạm Thị T kết hôn ngày 12 tháng 10 năm 2009 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 4/2013 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2015, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên làm đơn xin ly hôn.

Sau khi anh T có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của anh T cho chị T và thông báo về phiên họp kiểm tra và giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được. Sau khi anh T cung cấp địa chỉ của chị T, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành ủy thác cho TAND huyện Yên Mỹ, TAND huyện Mỹ Hào tỉnh Hưng Yên nhưng không thực hiện được việc ủy thác do chị T nhiều lần được triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc. Sau đó TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành cùng TAND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tiến hành thu thập chứng cứ lấy lời khai và yêu cầu tự khai đối với chị T và chị T cũng nhất trí ly hôn.

Xét thực tế cuộc hôn nhân giữa anh T và chị T thấy rằng: Anh T và chị T đã sống ly thân, cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc anh T có yêu cầu ly hôn và chị T cũng nhất trí ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Thùy L - Sinh ngày 29/4/2010 hiện đang ở với chị T. Khi ly hôn chi T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa anh T cũng đồng ý để con chung cho chị T nuôi dưỡng. HĐXX thấy: Hiện tại con chung đang ở với chị T từ khi anh chị sống ly thân đến nay, để đảm bảo ổn định cho việc chăm sóc giáo dục con chung cũng như nguyện vọng của con chung, cần giao cho chị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là phù hợp nên chấp nhận đề nghị của chị T.

Về mức cấp dưỡng: Trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa anh T nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/tháng. Xét sự tự nguyện của anh T là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về khoản tiền 48.000.000 đồng, chị T yêu cầu anh T phải có trách nhiệm với con chung trong thời gian vợ chồng sống ly thân. HĐXX thấy: TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành ủy thác cho TAND huyện Yên Mỹ, TAND huyện Mỹ Hào tỉnh Hưng Yên nhưng không thực hiện được việc ủy thác do chị T nhiều lần được triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc. Khi TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành cùng TAND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tiến hành thu thập chứng cứ lấy lời khai và yêu cầu tự khai chị T có đề nghị về khoản tiền nêu trên nhưng không xuất trình chứng cứ. Do vậy HĐXX thấy không có căn cứ để xem xét yêu cầu của chị T tại phiên tòa hôm nay. Chị T có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác nếu như có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về tài sản, công sức đóng góp, khoản nợ: Anh T, chị T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện anh T, chị T không có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử ly hôn giữa anh Ngô Văn T và chị Phạm Thị T.

2. Con chung: Giao cho chị Phạm Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Ngô Thùy L - Sinh ngày 29/4/2010. Anh Ngô Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000đ kể từ tháng 8/2017 đến khi con chung trưởng thành, tự lập.

Anh Ngô Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Án phí: Anh Ngô Văn T phải nộp 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai T tiền số 0000916 ngày 10/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô Văn T phải nộp 300.000 đồng.

Anh Ngô Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Chu Thái Hà

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.